TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07- 6 - 2024
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi dưỡng con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Khanh.

2. Bà Trần Thị Minh Hiền.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Phục Hưng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi dưỡng con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 282/2024/QĐST ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1986. Có mặt

Trú tại: ấp Đ H B, xã Thới Tân, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông **Trần Thanh T1**, sinh năm 1981. Vắng mặt

Trú tại: ấp T H B, xã Xuân Thắng, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Trần Thị T với ông Trần Thanh T1 tự nguyện tìm hiểu rồi chung sống với nhau, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thắng, huyện Thới Lai vào ngày 19/4/2010. Vợ chồng chung sống với nhau có 02 con chung là Trần Trọng Khang, sinh ngày 15/6/2011 (nam); Trần Ngọc Ánh Dương, sinh ngày 23/02/2018 (nữ). Đến khoảng đầu năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T1 không lo làm ăn mà nhậu nhẹt, gây nợ về yêu cầu bà phải gánh nợ tiếp. Bà T cùng đã tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Nay bà khởi kiện yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh T1.

- Về con chung: có 02 con chung là Trần Trọng K, sinh ngày 15/6/2011 (nam); Trần Ngọc Ánh Dương, sinh ngày 23/02/2018 (nữ). Cháu K bị bại não, hai cháu K và Dương hiện tại bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con đến trưởng thành, không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Thanh T1 nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn cư trú tại xã Xuân Thắng, huyện Thới Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thới Lai quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a K1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thắng, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ vào ngày 19/4/2010 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên tắc của hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét bà T trình bày, do chung sống nhưng cả hai đều không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc nhau, ông Tuấn không quan tâm đến cuộc sống của vợ con, không lo làm ăn mà còn gây nợ. Ông T1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Khi bà T nộp đơn xin ly hôn đến Tòa, bà T trình bày cũng có nói với ông T1 nhưng ông T1 trả lời với bà là tự bà T nộp đơn, còn ông thì không đến, từ đó cho thấy ông không còn thiết tha gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Qua đó thể hiện, mâu thuẫn gia đình anh chị thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay bà T yêu cầu xin ly hôn với ông T1 là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: có 02 con chung là Trần Trọng K, sinh ngày 15/6/2011 (nam); Trần Ngọc Ánh Dương, sinh ngày 23/02/2018 (nữ). Bà T trình bày, cháu K bị bại não, hai cháu K và Dương hiện tại bà đang trực tiếp

nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con đến trưởng thành, không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng của bà T nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Trần Thanh T1.

2. Về con chung: có 02 con chung là Trần Trọng K, sinh ngày 15/6/2011 (nam); Trần Ngọc Ánh Dương, sinh ngày 23/02/2018 (nữ). Giao cháu K và cháu Dương cho bà T trực tiếp nuôi con đến trưởng thành, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông T1 theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở ông T1 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0007542 ngày 28/02/2024 (bà T đã thực hiện xong).

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo; kể từ ngày bị đơn nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Thới Lai;
- Chi cục THADS H. Thới Lai;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND xã Đông Thuận;
- Lưu hồ sơ vụ án

Bùi Tuấn Kiệt

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Til - Nguyễn Văn Đen **Bùi Tuấn Kiệt**